

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST.

Ngày: 23/6/2021.

**“V/v: *Kiện trA chấp
hợp đồng tín dụng*”**

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thi.

2. Bà Võ Thị Cảnh.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lê là Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 23/6/2021, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2021/TLST-DS ngày 23/02/2021 về việc: “*Kiện trA chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST -DS ngày 31/5/2021, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội;

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Thu H - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: 265 Quang Trung, thị trấn K, huyện K, tỉnh G.

-Bị đơn: Bà Đặng Thị Kim A, sinh năm 1981;

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện K, tỉnh G.

Bà H, bà A và ông L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2021 được bổ sung tại Bản tự khai ngày 25/02/2021, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị Thu H trình bày:

Vào ngày 06/5/2019, bà Đặng Thị Kim A đã vay vốn tín dụng ưu đãi của Ngân hàng Chính sách xã hội (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) thông qua Phòng giao dịch huyện Kbang, tỉnh Gia Lai với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng theo Sổ

vay vốn có mã khách hàng 4200028268, mục đích sử dụng tiền vay: Nuôi bò sinh sản, thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày 06/5/2019, lãi suất cho vay là 8,25%/tháng, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay tín chấp.

Theo thỏa thuận với Ngân hàng tại thời điểm vay thì bà A là người vay, ông L là người thừa kế món vay; hàng tháng gia đình bà A phải nộp lãi cho Ngân hàng nhưng đến nay gia đình bà chưa trả lãi cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã đơn đốc, nhắc bà A trả nợ lãi theo kỳ hạn đã cam kết. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L phải trả cho Ngân hàng 100.000.000 đồng nợ gốc, 5.416.438 đồng nợ lãi trong hạn tính đến ngày 06/02/2021, tổng cộng là 105.416.438 đồng.

Tại Bảng kê tính lãi bổ sung, Ngân hàng bổ sung yêu cầu bà A và ông L phải trả thêm số tiền nợ lãi trong hạn phát sinh từ ngày 07/02/2021 đến ngày 23/6/2021 (*ngày xét xử sơ thẩm vụ án*) là 3.073.973 đồng. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu bà A và ông L phải trả nợ tổng cộng là 108.490.411 đồng, gồm: Nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 8.490.411 đồng (*tính đến ngày 23/6/2021*) cũng như trả số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 24/6/2021 cho đến khi ông bà trả xong nợ.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:

-01 Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đối với bà Đặng Thị Kim A (bản sao);

-01 Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 25/4/2019 của bà Đặng Thị Kim A (bản sao).

- 01 Giấy ủy quyền đề ngày 26/4/2019 giữa bên ủy quyền ông Nguyễn Hữu L và bên được ủy quyền bà Đặng Thị Kim A (bản sao);

-01 Sổ vay vốn mang tên người vay là Đặng Thị Kim A (bản sao);

- 01 Quyết định v/v ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án (bản sao).

Tại bản tự khai ngày 25/6/2021 bị đơn bà Đặng Thị Kim A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu L trình bày:

Vào ngày 06/5/2019, ông bà có vay của Ngân hàng số tiền là 100.000.000 đồng theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200028268, mục đích sử dụng tiền vay: Nuôi bò sinh sản, thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày 06/5/2019, lãi suất cho vay là 8,25%/tháng, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay tín chấp.

Trong thời gian vay vốn, ông bà sử dụng vốn vay đúng mục đích nhưng do làm ăn thua lỗ nên không trả được nợ lãi cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện thì ông bà thừa nhận có nợ và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng như Ngân hàng khởi kiện.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Bà Đặng Thị Kim A, sinh năm 1981 và ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1981, có địa chỉ tại: Thôn 2, xã ĐăkHlơ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; điều này được thể hiện qua chứng cứ do Ngân hàng giao nộp là Sổ vay vốn có mã KH 4200028268 (*bản sao*) và Giấy ủy quyền ngày 26/4/2019 (*bản sao*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Việc vay vốn giữa bà Đặng Thị Kim A và ông Nguyễn Hữu L với Ngân hàng được thể hiện qua Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200028268, trong đó bà A là người vay, ông L là người thừa kế món vay là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Ngân hàng là chủ thể cho rằng mình có quyền lợi bị xâm phạm vì sau khi vay vốn, bà A và ông L đã không trả nợ theo cam kết nên Ngân hàng được quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện được đảm bảo nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai theo như quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do Ngân hàng cung cấp là Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200028268 cùng Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 25/4/2019 đã thể hiện vào ngày 06/5/2019, bà Đặng Thị Kim A có vay vốn tín dụng ưu đãi của Ngân hàng thông qua Phòng giao dịch huyện Kbang, tỉnh Gia Lai với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Nuôi bò sinh sản, thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày 06/5/2019, lãi suất cho vay là 8,25%/tháng, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay tín chấp; bà A phải trả lãi đối với khoản vay theo phương thức hàng tháng vào ngày 6 hàng tháng. Tất cả các điều kiện trên của bên cho vay (Ngân hàng) đối với bên vay (bà A) đã được bà ký xác nhận, chồng bà A là ông Nguyễn Hữu L cũng ký nhận thừa kế món vay.

Tuy nhiên, kể từ khi vay vốn cho đến nay, bà A và ông L sử dụng vốn vay không hiệu quả, không trả được nợ lãi theo đúng cam kết nên ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến thời điểm ngày 23/6/2021 (*thời điểm xét xử sơ thẩm*), bà A và ông L còn nợ Ngân hàng là 100.000.000 đồng nợ gốc và 8.490.411 đồng nợ lãi trong hạn. Vì vậy, việc Ngân hàng khởi kiện bà A và ông L để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng pháp luật và được ông bà đồng ý trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án, bà A và ông L có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt và ông bà đã vắng mặt trong các lần Tòa án công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà A và ông L phải trả nợ cho Ngân hàng với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn (tính đến ngày 23/6/2021) là 8.490.411 đồng, tổng cộng là 108.490.411 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm (DSST): Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bà A và ông L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật là 108.490.411 đồng x 5% = 5.424.520 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội, buộc bị đơn bà Đặng Thị Kim A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu L phải trả cho Ngân hàng thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Kbang, tỉnh Gia Lai số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200028268 là 108.490.411 đồng, gồm: 100.000.000 đồng nợ gốc và 8.490.411 đồng nợ lãi trong hạn (*tính đến ngày 23/6/2021*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa trả toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục trả toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự (THADS), người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án (THA), quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo các Điều 6, 7, 7a và 9 của LTHADS; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của LTHADS.

Về án phí DSST: Buộc bà Đặng Thị Kim A và ông Nguyễn Hữu L phải chịu án phí là 5.424.520 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Kbang, tỉnh Gia Lai số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.635.410 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003656 ngày 23/02/2021 của Chi cục THADS huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên